

ĐẢNG BỘ TỈNH ĐIỆN BIÊN
HUYỆN ỦY TUẦN GIÁO

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

Tuần Giáo, ngày 24 tháng 6 năm 2019

Số 1009 - CV/HU

Sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW và
Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị

Kính gửi: - HĐND, UBND huyện; UBKT, Ban Tuyên giáo Huyện ủy;
- MTTQ và các đoàn thể huyện; các chi, đảng bộ trực thuộc.

Thực hiện Kế hoạch số 73-KH/TU, ngày 11/6/2019 của Tỉnh ủy về sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW, ngày 3/01/2014 của Bộ Chính trị “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản” và Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo”, Ban Thường vụ Huyện ủy yêu cầu:

- HĐND, UBND huyện; UBKT Huyện ủy, Ban Tuyên giáo Huyện ủy; MTTQ và các đoàn thể huyện; các chi, đảng bộ trực thuộc tổ chức sơ kết việc triển khai, thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình (bằng văn bản); gửi Báo cáo sơ kết (bản điện tử và bản giấy) về VPHU để tổng hợp trước ngày 02/7/2019.

- Các chi, đảng bộ trực thuộc, UBND huyện tổ chức sơ kết việc triển khai, thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình (bằng văn bản); gửi Báo cáo sơ kết (bản điện tử và bản giấy) về VPHU để tổng hợp trước ngày 28/6/2019.

- Thời gian lấy số liệu báo cáo: Đối với Chỉ thị số 33-CT/TW tính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2018; đối với Chỉ thị số 35-CT/TW tính từ ngày 01/6/2014 đến 31/12/2018.

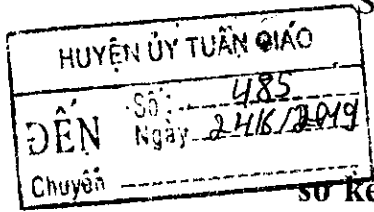
- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức đảng căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và hướng dẫn cụ thể đối với từng ngành và Đề cương kèm theo Kế hoạch số 73-KH/TU của Tỉnh ủy (gửi kèm) để xây dựng báo cáo.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, chi, đảng bộ triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT Huyện ủy,
- Như trên,
- Lưu VPHU.





KẾ HOẠCH

Sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW, ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản và Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo

Thực hiện Kế hoạch số 01-KH/BCĐ, ngày 22/5/2019 của Ban Chỉ đạo sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW và Chỉ thị số 35-CT/TW về Sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW, ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản (viết tắt là Chỉ thị số 33-CT/TW) và Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo (viết tắt là Chỉ thị số 35-CT/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên ban hành Kế hoạch sơ kết như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Đánh giá tình hình, kết quả, những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm sau 05 năm thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW và Chỉ thị số 35-CT/TW. Từ đó kiến nghị, đề xuất những nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng để nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản và công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thời gian tới.

2. Việc sơ kết cần bám sát các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp trong Chỉ thị số 33-CT/TW và Chỉ thị số 35-CT/TW; tiến hành nghiêm túc, thiết thực theo đúng Kế hoạch, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí; nêu cao trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

II- HÌNH THỨC, THỜI GIAN SƠ KẾT

1. Hình thức sơ kết

Tỉnh ủy tiến hành sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW và Chỉ thị số 35-CT/TW bằng văn bản. Các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan căn cứ vào

tình hình điều kiện cụ thể của cơ quan, đơn vị, địa phương lựa chọn hình thức sơ kết cho phù hợp (tổ chức sơ kết bằng hội nghị hoặc bằng văn bản).

2. Thời gian

- Thời gian lấy số liệu báo cáo: Đối với Chỉ thị số 33-CT/TW tính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2018; đối với Chỉ thị số 35-CT/TW tính từ ngày 01/06/2014 đến 31/12/2018

- Các cấp ủy, tổ chức, các cơ quan hoàn thành sơ kết và hoàn thiện báo cáo gửi Tỉnh ủy (qua Ban Nội chính Tỉnh ủy) *trước ngày 25/6/2019*.

- Tỉnh ủy hoàn thành việc sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW, Chỉ thị số 35-CT/TW và hoàn thiện báo cáo gửi Ban Chỉ đạo Trung ương *trước ngày 10/7/2019*.

III- NỘI DUNG SƠ KẾT

1. Đánh giá việc quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW và Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị ở các cấp ủy, tổ chức đảng trong đó tập trung đánh giá việc phổ biến, quán triệt, xây dựng và ban hành văn bản để cụ thể hoá các quan điểm, chủ trương, giải pháp nêu trong Chỉ thị; công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình, kế hoạch đã đề ra.

2. Đánh giá việc thực hiện các chủ trương, giải pháp nêu trong Chỉ thị số 33-CT/TW và Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị.

3. Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân (chủ quan và khách quan) và bài học kinh nghiệm rút ra trong tổ chức thực hiện Chỉ thị 33-CT/TW và Chỉ thị 35-CT/TW của Bộ Chính trị.

4. Đề xuất những chủ trương, giải pháp tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng để nâng cao hơn nữa công tác kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản và công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thời gian tới.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng đoàn HĐND tỉnh, Đảng đoàn MTTQ tỉnh, Ban cán sự đảng UBND tỉnh, Ban cán sự đảng TAND, Ban cán sự đảng VKSND tỉnh, Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và các huyện, thị, thành ủy căn cứ Kế hoạch, đề cương hướng dẫn của Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức sơ kết việc triển khai, thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW và Chỉ thị số 35-CT/TW tại cơ quan, đơn vị, địa phương, đồng thời xây dựng báo cáo sơ kết gửi Thường trực Tỉnh ủy (qua Ban Nội chính Tỉnh ủy) trước ngày 20/6/2019. Báo cáo của các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị ngoài bám sát đề cương hướng dẫn, đồng thời căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ tập trung đánh giá, làm rõ những nội dung sau:

1.1. Đảng đoàn HĐND tỉnh

- Công tác thể chế hóa các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng thành các quy định của pháp luật về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản; về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và pháp luật liên quan đến quyền và lợi ích của người dân thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của HĐND, Thường trực HĐND.

- Hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; việc thực hiện quy định của Đảng, Nhà nước về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản.

1.2. Ban cán sự đảng UBND tỉnh

- Việc triển khai, thực hiện cơ chế, chính sách, pháp luật về kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản, quản lý bản kê khai tài sản, kiểm soát thu nhập của người có chức vụ quyền hạn...; về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và pháp luật liên quan quyền và lợi ích của người dân thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của UBND tỉnh và các sở ngành tỉnh.

- Việc chấp hành và thực hiện các quy định pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước; chủ động đối thoại, vận động, thuyết phục công dân để giải quyết, tháo gỡ triệt để khiếu kiện, bức xúc của nhân dân.

- Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong việc chấp hành pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản. Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân trong tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và tổ chức, cá nhân lợi dụng dân chủ, quyền khiếu nại, tố cáo để cố ý vi phạm pháp luật.

- Việc thực hiện các quy định pháp luật về kê khai, công khai bản kê khai tài sản; công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định của Nhà nước về kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản; xử lý những cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân vi phạm trong kê khai tài sản, công khai bản kê khai, không giải trình được nguồn gốc tài sản tăng thêm...

- Công tác giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài liên quan đến quản lý hành chính nhà nước.

- Công tác triển khai cơ sở dữ liệu về tài sản của người có chức vụ, quyền hạn; cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân và tham mưu giải quyết khiếu nại, tố cáo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; bố trí trụ sở, trang thiết bị và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo.

- Lãnh đạo, chỉ đạo xử lý người có hành động quá khích, chống người thi hành công vụ, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân trong các vụ khiếu kiện, nhất là các vụ việc đã trở thành “điểm nóng” về an ninh, trật tự; ngăn chặn, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phần tử cơ hội chính trị lợi dụng tình hình khiếu kiện để kích động, chống phá.

1.3. Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy

- Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định của Đảng về kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản.

- Công tác xử lý, giải quyết hoặc chỉ đạo xử lý, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo liên quan đến tổ chức đảng, đảng viên; công tác kiểm tra, giám sát công tác này của các cấp ủy, tổ chức đảng.

1.4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

- Công tác tuyên truyền, quán triệt, tổ chức thực hiện Chỉ thị 33-CT/TW, Chỉ thị 35-CT/TW và nâng cao nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người đứng đầu về vị trí, vai trò của công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; về việc kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản.

- Trách nhiệm của các cơ quan thông tin đại chúng trong việc cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, trung thực, khách quan, góp phần định hướng dư luận xã hội và hỗ trợ công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

1.5. Đảng đoàn MTTQVN tỉnh Điện Biên

- Hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội đối với công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; việc thực hiện quy định của Đảng, Nhà nước về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản.

- Vai trò đại diện quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, đoàn viên, kiến nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, giải quyết khi có tranh chấp; giải thích, thuyết phục công dân chấp hành các quyết định giải quyết khiếu nại và kết luận, quyết định xử lý tố cáo đúng chính sách, pháp luật.

- Thực hiện công tác hòa giải, đối thoại, vận động, thuyết phục công dân chấm dứt khiếu nại, tố cáo từ cơ sở.

1.6. Ban cán sự đảng TAND tỉnh

- Công tác xử lý, giải quyết hoặc chỉ đạo xử lý, giải quyết khiếu kiện hành chính; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khởi kiện tại toà án, nâng cao chất lượng xét xử của toà án hành chính.

- Công tác xử lý, giải quyết hoặc chỉ đạo xử lý, giải quyết theo trình tự các vụ án dân sự, vụ án hành chính.

1.7. Ban cán sự đảng VKSND tỉnh

Xử lý, giải quyết hoặc chỉ đạo xử lý, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động tư pháp, nhất là các vụ việc phức tạp, có dấu hiệu oan sai, dư luận xã hội quan tâm.

1.8. Các huyện, thị, thành ủy trực thuộc tỉnh

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể cấp huyện tham mưu, giúp huyện, thị, thành ủy xây dựng báo cáo của cấp mình theo tinh thần Chỉ thị số 33-CT/TW và Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị.

2. Giao Ban Nội chính Tỉnh ủy hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổng hợp, xây dựng báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW và Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị; dự thảo báo cáo gửi Thường trực Tỉnh ủy (qua Văn phòng Tỉnh ủy) **trước ngày 05/7/2019**, để hoàn thiện báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo sơ kết Trung ương,
- Ban Nội chính Trung ương,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Đảng đoàn: HĐND tỉnh, MTTQ tỉnh,
- Ban cán sự đảng: UBND tỉnh, VKSND tỉnh, TAND tỉnh,
- Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy,
- Các huyện, thị, thành ủy trực thuộc tỉnh,
- Lưu VPTU, TH2.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Lò Văn Muôn



ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị 33-CT/TW, ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản
(Kế hoạch số 73-KH/TU, ngày 11/6/2019 của Tỉnh ủy)

I- ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Nêu khái quát về đặc điểm tình hình; những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc có tác động ảnh hưởng trực tiếp đến việc triển khai thực hiện Chỉ thị 33-CT/TW và các quy định của pháp luật về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản.

II- CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 33-CT/TW

1. Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị

- Các hình thức được cấp ủy, tổ chức đảng triển khai phổ biến, quán triệt (*hội nghị, qua các phương tiện thông tin đại chúng, phát hành tài liệu, tổ chức các lớp tập huấn...*); số lượng các cuộc quán triệt; số tài liệu được phát hành;

- Số lượng cán bộ, đảng viên tham gia học tập, quán triệt;

- Đánh giá kết quả triển khai phổ biến, quán triệt (*nhận thức của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức trong việc kê khai và kiểm soát kê khai tài sản và trách nhiệm trong công tác này*).

2. Ban hành văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Chỉ thị

- Các văn bản do tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn và các văn bản do cấp ủy cấp dưới trực tiếp ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện (*nêu số lượng và tên một số văn bản tiêu biểu*);

- Các văn bản do chính quyền địa phương, ban, ngành ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền ban hành và các văn bản của các cơ quan chuyên môn trực thuộc để tổ chức thực hiện.

- Đánh giá tính kịp thời, sự phù hợp, khả thi của các văn bản được ban hành (*bao gồm cả văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và văn bản triển khai thực hiện của chính quyền*).

3. Lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả thực hiện việc kê khai, công khai, kiểm tra, xác minh bản kê khai tài sản và xử lý vi phạm theo quy định

3.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Việc chỉ đạo, đôn đốc cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi phụ trách tổ chức thực hiện việc kê khai đảm bảo thời gian, đầy đủ nội dung và đúng đối tượng.

- Chỉ đạo việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định (*hình thức công khai; địa điểm công khai để tạo điều kiện cho mọi người thuận lợi trong việc tiếp cận, tìm hiểu*).

- Đánh giá tính chủ động trong việc chỉ đạo kiểm tra, xác minh và yêu cầu cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thuộc diện quản lý giải trình trong việc kê khai tài sản, thu nhập.

3.2. Kết quả thực hiện

3.2.1. Kết quả kê khai tài sản

- Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tổ chức kê khai.
- Tổng số người phải kê khai.
- Tổng số người phải kê khai thuộc diện cấp ủy quản lý...(chiếm ...%).
- Số người đã thực hiện kê khai...(đạt %...).
- Số người chậm thực hiện kê khai...(chiếm... %); lý do.

3.2.2. Kết quả công khai bản kê khai và giải trình việc kê khai

- Số bản kê khai được công khai bằng hình thức niêm yết.
- Số bản kê khai được công khai bằng hình thức công bố tại cuộc họp.
- Số bản kê khai chưa được công khai; lý do.
- Số người được yêu cầu giải trình.

3.2.3. Kết quả kiểm tra, xác minh tài sản

- Số người được kiểm tra, xác minh tài sản, trong đó:
 - + Số người được xác minh do có đơn tố cáo kê khai tài sản không trung thực trong việc kê khai;
 - + Số người được xác minh để có thông tin phục vụ việc bầu cử, bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc kỷ luật;
 - + Số người được kiểm tra, xác minh khi có căn cứ cho rằng việc giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm không hợp lý;
 - + Số người được kiểm tra, xác minh khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

3.2.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về minh bạch tài sản

- Số người bị xử lý kỷ luật do chậm tổ chức việc kê khai.
- Số người bị xử lý kỷ luật do không tổ chức việc công khai bản kê khai.
- Số người bị xử lý kỷ luật do chậm tổng hợp, báo cáo kết quả về minh bạch tài sản.
- Số người bị xử lý kỷ luật do chậm kê khai tài sản.
- Số người bị xử lý kỷ luật do kê khai tài sản không trung thực.
- Số người bị xử lý trách nhiệm trong việc xác minh tài sản không trung thực.
- Kết quả xử lý: khiển trách..., cảnh cáo..., các hình thức khác...

3.2.5. *Đánh giá kết quả kê khai, công khai, kiểm tra, xác minh bản kê khai tài sản và xử lý vi phạm theo quy định*

4. Lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra việc thực hiện quy định của Đảng và Nhà nước về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản

- Ban hành văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc cơ quan chức năng trong công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra việc thực hiện quy định của Đảng và Nhà nước về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản.

- Việc tổ chức kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện quy định của Đảng và Nhà nước về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản.

- Đánh giá kết quả kiểm tra, giám sát, thanh tra.

5. Lãnh đạo hoàn thiện quy định pháp luật về kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản; quản lý bản kê khai tài sản; xây dựng cơ sở dữ liệu về tài sản của người có chức vụ, quyền hạn

- Lãnh đạo việc hoàn thiện các quy định để thực hiện pháp luật về kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản (*đánh giá theo chức năng, nhiệm vụ*);

- Lãnh đạo việc quản lý bản kê khai tài sản phù hợp, sát thực với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị mình.

- Lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai cơ sở dữ liệu về tài sản của người có chức vụ, quyền hạn; kiểm soát thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn... ; áp dụng các biện pháp hỗ trợ công tác kiểm soát việc kê khai tài sản.

- Chỉ đạo việc xây dựng hồ sơ quản lý, sử dụng, khai thác bản kê khai tài sản theo quy định.

- Đánh giá việc hoàn thiện quy định của pháp luật về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản; về xây dựng cơ sở dữ liệu về tài sản của người có chức vụ, quyền hạn; kiểm soát thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn... ; áp dụng các biện pháp hỗ trợ công tác kiểm soát việc kê khai tài sản; việc xây dựng hồ sơ quản lý, sử dụng, khai thác bản kê khai tài sản theo quy định.

6. Lãnh đạo thực hiện chế độ báo cáo

Việc thực hiện thời hạn gửi báo cáo; chất lượng báo cáo.

III- ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Đánh giá những ưu điểm nổi bật trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện những công việc mà Chỉ thị 33/CT-TW đã nêu, nhất là việc khắc phục những hạn chế được nêu trong Chỉ thị.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

Đánh giá những tồn tại, hạn chế chủ yếu trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện những công việc mà Chỉ thị 33/CT-TW đã nêu, nhất là tính hiệu quả của việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản (*việc kê khai còn mang tính hình thức*

không; đã kiểm soát được tài sản của đối tượng thuộc diện kê khai chưa? việc xử lý tài sản tăng thêm không giải trình được hợp lý về nguồn gốc như thế nào?).

2.2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân khách quan.

+ Từ cơ chế, chính sách (nêu rõ những vướng mắc, bất cập trong các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, kể cả Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018. Cụ thể: về đối tượng có nghĩa vụ kê khai; về phạm vi kê khai; về hình thức công khai; về quản lý, khai thác, sử dụng bản kê khai; về xử lý hành vi kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực; xử lý tài sản tăng thêm không giải trình được hợp lý về nguồn gốc,...);

+ Các nguyên nhân khác.

- Nguyên nhân chủ quan.

+ Từ nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản;

+ Các nguyên nhân khác.

- Xác định nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tồn tại, hạn chế.

3. Bài học kinh nghiệm

- Về việc nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong việc thực hiện các quy định của Đảng, Nhà nước về kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản.

- Về sự lãnh đạo của cấp ủy, người đứng đầu trong việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản.

- Về công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra việc thực hiện quy định của Đảng, Nhà nước về kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản; kiểm tra, xác minh tài sản; xử lý vi phạm trong công tác kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản.

- Những bài học kinh nghiệm khác.

IV- PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Phương hướng, giải pháp

Những phương hướng, giải pháp phát huy ưu điểm, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong việc kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản thời gian qua tại bộ, ngành, địa phương.

2. Đề xuất, kiến nghị

2.1. Đối với Bộ Chính trị liên quan đến nội dung Chỉ thị 33-CT/TW (nếu có cần nêu rõ nội dung nào cần sửa đổi, nội dung nào cần bổ sung; sửa đổi, bổ sung theo hướng nào; với những bất cập đó có cần thiết ban hành văn bản mới thay thế Chỉ thị 33-CT/TW không, hình thức văn bản là gì).

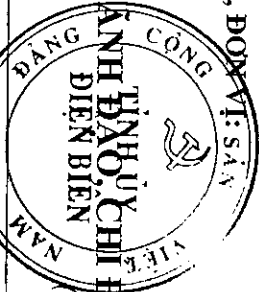
2.2. Đối với cơ quan có thẩm quyền những nội dung cần hoàn thiện về pháp luật và hướng hoàn thiện, nhất là việc xử lý tài sản tăng thêm không giải trình được hợp lý về nguồn gốc.

2.3. Về các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản.

2.4. Các đề xuất, kiến nghị cụ thể khác.

* **Lưu ý:** Thời điểm lấy số liệu báo cáo tính từ 01/01/2014 đến 31/12/2018.

CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ: SÀI GÒN

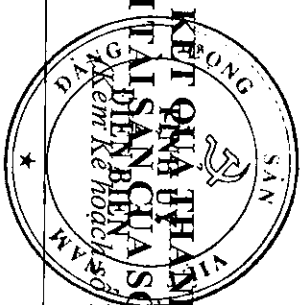


PHỤ LỤC 01
CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO VÀ TỔ CHỨC QUẢN TRỊ, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ 33-CT/TW

(Kèm Kế hoạch 73-KH/TU, ngày 11/6/2019 của Tỉnh ủy Điện Biên)

Năm	Tổ chức quản lý, triển khai thực hiện Chỉ thị			Ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo		Ghi chú
	Số lượng các cuộc hội nghị, các lớp tập huấn... được tổ chức	Số lượng cán bộ, đảng viên tham gia	Số lượng tài liệu, ấn phẩm được phát hành	Số lượng văn bản do ban cán sự đảng, đảng đoàn, văn bản do huyện, thị, cấp ủy và các văn bản do cấp ủy cấp dưới trực tiếp ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện	Số lượng văn bản do bộ, ngành ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền ban hành; văn bản do chính quyền địa phương và các cơ quan chuyên môn trực thuộc ban hành để chỉ đạo, tổ chức thực hiện	
2014						
2015						
2016						
2017						
2018						
Tổng số						

CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ:



PHỤ LỤC 03A

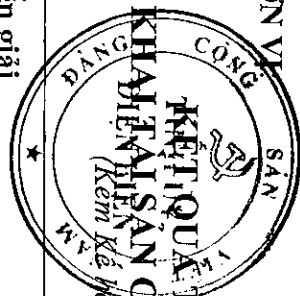
**KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA TRÁCH NHIỆM VIỆC
KÊ KHAI TẠI SÂN CỬA SỞ, BAN, NGÀNH (THEO CHỈ THỊ 33-CT/TW)
XEM KÊ HOẠCH SỐ 173-KH/TU, ngày 11/6/2019 của Tỉnh ủy Điện Biên)**

TT	Diễn giải	Tổng số	2014	2015	2016	2017	2018	Ghi chú
1	Số cuộc thanh tra, kiểm tra - Số cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch - Số cuộc thanh tra, kiểm tra đột xuất							
2	Số cuộc thanh tra, kiểm tra đã triển khai							
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được TT, KT							
4	Số cuộc thanh tra, kiểm tra đã có kết luận							
5	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã kết luận có vi phạm - Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã kết luận có vi phạm, thiếu sót trong việc: Xây dựng chương trình kế hoạch; Chi đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện chương trình, kế hoạch - Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã kết luận có vi phạm, thiếu sót trong việc: Tổ chức kê khai, công khai, quản lý, lưu giữ, khai thác, sử dụng Bản kê khai tài sản của người có nghĩa vụ kê khai do mình quản lý; tổ chức việc xác minh theo quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; kết luận và công khai kết luận xác minh							
6	Số người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị đã bị xử lý trách nhiệm do vi phạm quy định về kê khai, công khai, quản lý, sử dụng Bản kê khai, xác minh, kết luận, công khai kết luận xác minh trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý theo quy định của pháp luật.							

Huyện										
2015										
Tỉnh										
Huyện										
2016										
Tỉnh										
Huyện										
2017										
Tỉnh										
Huyện										
2018										
Tỉnh										
Huyện										
Tổng số	Tỉnh									
	Huyện									



**KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA TRÁCH NHIỆM VIỆC
KÊ KHAI TÀI SẢN CỦA SỞ, BAN, NGÀNH (THEO CHỈ THỊ 33-CT/TW)**



(Kèm Kế hoạch số 73-KH/TU, ngày 11/6/2019 của Tỉnh ủy Điện Biên)

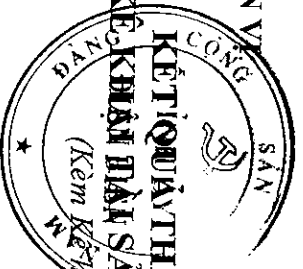
TT	Diễn giải	Tổng số	2014	2015	2016	2017	2018	Ghi chú
1	Số cuộc thanh tra, kiểm tra - Số cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch - Số cuộc thanh tra, kiểm tra đột xuất							
2	Số cuộc thanh tra, kiểm tra đã triển khai							
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được TT, KT							
4	Số cuộc thanh tra, kiểm tra đã có kết luận							
5	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã kết luận có vi phạm - Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã kết luận có vi phạm, thiếu sót trong việc: Xây dựng chương trình kế hoạch; Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện chương trình, kế hoạch - Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã kết luận có vi phạm, thiếu sót trong việc: Tổ chức kê khai, công khai, quản lý, lưu giữ, khai thác, sử dụng Bản kê khai tài sản của người có nghĩa vụ kê khai do mình quản lý; tổ chức việc xác minh theo quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; kết luận và công khai kết luận xác minh							
6	Số người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị bị xử lý trách nhiệm do vi phạm quy định về kê khai, công khai, quản lý, sử dụng Bản kê khai, xác minh, kết luận, công khai kết luận xác minh trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý theo quy định của pháp luật.							

CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

PHỤ LỤC 04B

KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA TRÁCH NHIỆM VIỆC KÊ KHAI BÀN SÀN Ở ĐỊA PHƯƠNG (THEO CHỈ THỊ 33-CT/TW)

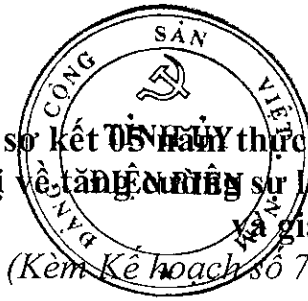
(Kèm Kết quả số 73-KH/TU, ngày 11/6/2019 của Tỉnh ủy Điện Biên)



Năm	Số cuộc TT, KT	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được TT, KT	Số cuộc TT, KT đã triển khai	Số cuộc thanh tra, kiểm tra đã có kết luận	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã kết luận có vi phạm, thiếu sót trong việc: Xây dựng chương trình kế hoạch; Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện chương trình, kế hoạch	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã kết luận có vi phạm, thiếu sót trong việc: Tổ chức kê khai, công khai, quản lý, lưu giữ, khai thác, sử dụng Bản kê khai tài sản của người có nghĩa vụ kê khai do mình quản lý; tổ chức việc xác minh theo quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; kết luận và công khai kết luận xác minh	Số người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị đã xử lý trách nhiệm do vi phạm quy định về kê khai, công khai, quản lý, sử dụng Bản kê khai, xác minh, kết luận, công khai kết luận xác minh trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý theo quy định của PL	Ghi chú	
	Số cuộc TT, KT theo kế hoạch	Số cuộc TT, KT	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được TT, KT	Số cuộc TT, KT đã triển khai	Số cuộc thanh tra, kiểm tra đã có kết luận	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã kết luận có vi phạm, thiếu sót trong việc: Xây dựng chương trình kế hoạch; Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện chương trình, kế hoạch	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã kết luận có vi phạm, thiếu sót trong việc: Tổ chức kê khai, công khai, quản lý, lưu giữ, khai thác, sử dụng Bản kê khai tài sản của người có nghĩa vụ kê khai do mình quản lý; tổ chức việc xác minh theo quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; kết luận và công khai kết luận xác minh	Số người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị đã xử lý trách nhiệm do vi phạm quy định về kê khai, công khai, quản lý, sử dụng Bản kê khai, xác minh, kết luận, công khai kết luận xác minh trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý theo quy định của PL	

2014																					
Tỉnh																					
Huyện																					
Số, ngành																					
2015																					
Tỉnh																					
Huyện																					
Số, ngành																					
2016																					
Tỉnh																					
Huyện																					
Số, ngành																					
2017																					
Tỉnh																					
Huyện																					
Số, ngành																					
2018																					
Tỉnh																					
Huyện																					
Số, ngành																					
Tổng số																					
	Tỉnh																				
	Huyện																				
	Số, ngành																				
	Số, ngành																				





ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo sơ kết **ĐƠN HẠN** thực hiện Chỉ thị 35-CT/TW, ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo
(Kèm Kế hoạch số 73-KH/TU, ngày 11/6/2019 của Tỉnh ủy)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Nêu khái quát về đặc điểm tình hình; những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc có tác động ảnh hưởng trực tiếp đến việc triển khai thực hiện Chỉ thị 35-CT/TW của cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm chỉ đạo xử lý, giải quyết.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 35-CT/TW

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng

1.1. Lãnh đạo việc phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị 35-CT/TW của Bộ Chính trị và các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Các hình thức được cấp ủy, tổ chức đảng triển khai phổ biến, quán triệt (*hội nghị, phát hành tài liệu, qua phương tiện thông tin đại chúng...*);

- Số lượng các cuộc hội nghị, số tài liệu được phát hành, số lượt người được tham dự, thụ hưởng,... qua phổ biến, quán triệt;

- Đánh giá kết quả phổ biến, quán triệt (*nhận thức của lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, cán bộ, công chức về vị trí, vai trò của công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC và trách nhiệm trong công tác này*).

1.2. Lãnh đạo việc cụ thể hóa thành các văn bản để tổ chức thực hiện Chỉ thị 35-CT/TW

- Các văn bản do cấp ủy, tổ chức đảng ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện (*nêu số lượng và tên một số văn bản tiêu biểu*).

- Đánh giá tính kịp thời, sự phù hợp của văn bản được ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo.

1.3. Lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác phối hợp giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là đối với các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, nổi cộm, kéo dài

- Ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chức năng thuộc thẩm quyền trong công tác phối hợp giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Đánh giá kết quả phối hợp, nhất là phối hợp giải quyết các vụ việc khiếu nại tố cáo đông người, phức tạp, nổi cộm, kéo dài.

1.4. Lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra trong tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Ban hành văn bản để chỉ đạo, đôn đốc công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra việc tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.
- Đánh giá kết quả lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra.

1.5. Lãnh đạo việc kiện toàn tổ chức, đội ngũ cán bộ làm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; bố trí địa điểm, cơ sở vật chất phục vụ công tác tiếp công dân

- Lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn tổ chức bộ máy, tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tiếp dân, tham mưu giải quyết khiếu nại, tố cáo; việc bố trí địa điểm, cơ sở vật chất phục vụ công tác tiếp dân.

- Đánh giá số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tiếp dân, tham mưu giải quyết khiếu nại, tố cáo.

1.6. Lãnh đạo các cơ quan thông tin đại chúng trong việc cung cấp thông tin

- Lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chức năng thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý trong việc cung cấp thông tin cho các cơ quan thông tin đại chúng.

- Lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng trong việc thông tin góp phần định hướng dư luận xã hội và hỗ trợ công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Đánh giá kết quả lãnh đạo.

2. Kết quả thực hiện cụ thể của bộ, ngành, địa phương trong việc thực hiện Chỉ thị 35-CT/TW của Bộ Chính trị và văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng cùng cấp

2.1. Kết quả hoàn thiện chính sách, pháp luật về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và các chính sách, pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích của người dân

- Các văn bản quy phạm pháp luật do ngành, chính quyền địa phương ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền ban hành (*nêu số lượng văn bản được ban hành và tên một văn bản tiêu biểu*).

- Đánh giá tính kịp thời, sự phù hợp, khả thi của các văn bản được ban hành.

2.2. Kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

2.2.1. Trong công tác tiếp công dân

- Kết quả tiếp công dân của bộ, ngành, UBND các cấp:

- + Số cuộc, số lượt người, số vụ việc, số đoàn đông người;
- + Nội dung khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị chủ yếu khi tiếp;
- + Kết quả giải quyết hoặc chỉ đạo giải quyết (*số vụ việc đã được giải quyết, chưa được giải quyết và đang được giải quyết*).

- Kết quả tiếp công dân của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, chủ tịch UBND các cấp:

- + Số cuộc (*định kỳ, đột xuất*), số lượt người, số vụ việc, số đoàn đông người;

- + Nội dung phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo chủ yếu khi tiếp;
- + Kết quả giải quyết hoặc chỉ đạo giải quyết (*số vụ việc đã được giải quyết, chưa được giải quyết*).

- Kết quả tiếp công dân trong lĩnh vực tư pháp (*công an, kiểm sát, tòa án, thi hành án*):

- + Số cuộc, số lượt người, số đoàn đông người;
- + Nội dung phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo chủ yếu khi tiếp;
- + Kết quả giải quyết hoặc chỉ đạo giải quyết (*số vụ việc đã được giải quyết, chưa được giải quyết*).

- Đánh giá kết quả, hiệu quả của công tác tiếp công dân và trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, chủ tịch UBND các cấp trong công tác này (*thực hiện thời gian tiếp công dân theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; việc tổ chức đối thoại; việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân trong tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và tổ chức, cá nhân lợi dụng dân chủ, quyền khiếu nại, tố cáo có ý vi phạm pháp luật; hiệu quả sau khi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo*).

2.2.2. Trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo:

- Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo của bộ, ngành, UBND các cấp:
 - + Số vụ việc khiếu nại, tố cáo (*nêu tổng số vụ việc khiếu nại, tố cáo và số vụ việc, khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, nổi cộm, kéo dài*);
 - + Nội dung khiếu nại, tố cáo chủ yếu;
 - + Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đã có quyết định, kết luận giải quyết; số vụ việc khiếu nại, tố cáo đã có quyết định, kết luận giải quyết không còn khiếu nại, tố cáo; số vụ việc khiếu nại, tố cáo đang trong quá trình giải quyết. Số vụ việc, khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài đã có quyết định, kết luận giải quyết; số vụ việc, khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài đã có quyết định, kết luận giải quyết và không còn khiếu nại, tố cáo; số vụ việc, khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài đang trong quá trình giải quyết.

- Kết quả xử lý, giải quyết hoặc chỉ đạo xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến tổ chức đảng, đảng viên tại bộ, ngành, địa phương:

- + Số vụ việc khiếu nại, tố cáo; số tổ chức đảng, đảng viên bị khiếu nại, tố cáo;
- + Nội dung khiếu nại, tố cáo chủ yếu;
- + Kết quả xử lý, giải quyết hoặc chỉ đạo xử lý, giải quyết (*số vụ việc đã được xử lý, giải quyết hoặc chỉ đạo xử lý, giải quyết; số vụ việc đã được xử lý, giải quyết hoặc chỉ đạo xử lý, giải quyết không còn khiếu nại, tố cáo; số vụ việc đang được xử lý, giải quyết hoặc chỉ đạo xử lý, giải quyết*).

- Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực tư pháp (*công an, kiểm sát, tòa án, thi hành án*):

+ Số vụ việc khiếu nại, tố cáo (*nêu tổng số vụ việc khiếu nại, tố cáo và số vụ việc, khiếu nại, tố cáo đồng người, phức tạp, kéo dài*);

+ Nội dung khiếu nại, tố cáo chủ yếu;

+ Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đã được giải quyết; số vụ việc khiếu nại, tố cáo được giải quyết không còn khiếu nại, tố cáo; số vụ việc khiếu nại, tố cáo đang trong quá trình giải quyết. Số vụ việc, khiếu nại, tố cáo đồng người, phức tạp, kéo dài đã được giải quyết; số vụ việc, khiếu nại, tố cáo đồng người, phức tạp, kéo dài được giải quyết không còn khiếu nại, tố cáo; số vụ việc, khiếu nại, tố cáo đồng người, phức tạp, kéo dài đang trong quá trình giải quyết.

- Đánh giá kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng, phức tạp, nổi cộm, kéo dài.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Về tình hình

Đánh giá tình hình khiếu nại, tố cáo trong 05 năm qua (*về số lượt người, số đoàn đồng người tăng hay giảm; nội dung khiếu nại, tố cáo; tính chất, mức độ gay gắt,....so với 05 năm trước khi Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị 35/CT-TW*) thuộc lĩnh vực bộ, ngành, địa bàn địa phương lãnh đạo, quản lý.

2. Ưu điểm, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Ưu điểm

Đánh giá những ưu điểm nổi bật trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp, nhất là việc khắc phục những hạn chế mà Chỉ thị 35/CT-TW đã nêu.

2.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.2.1. Tồn tại, hạn chế

Đánh giá những tồn tại, hạn chế chủ yếu trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp mà Chỉ thị 35/CT-TW đã nêu; chất lượng công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; việc phối hợp trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo nói chung và những vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài nói riêng.

2.2.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan.

+ Từ cơ chế, chính sách (*nêu rõ những vướng mắc, bất cập trong các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước hiện nay liên quan đến công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, đặc biệt là các quy định của pháp luật về đất đai - lĩnh vực có khiếu nại, tố cáo chủ yếu hiện nay*);

+ Các nguyên nhân khác.

- Nguyên nhân chủ quan.

+ Từ nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo;

+ Trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, trong đó có việc chấp hành kỷ luật công vụ;

+ Từ tổ chức, bộ máy, năng lực, phẩm chất cán bộ; chế độ, chính sách đối với cán bộ làm công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

+ Các nguyên nhân khác.

3. Kinh nghiệm rút ra qua triển khai thực hiện Chỉ thị

- Về việc quán triệt, nâng cao nhận thức của cán bộ các cấp, các ngành, các địa phương và người dân.

- Về sự lãnh đạo của cấp ủy, trách nhiệm người đứng đầu trong công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Về cơ chế, chính sách pháp luật về công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Về sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Về công tác đào tạo, bồi dưỡng, chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Về xử lý đối với những sai phạm, nhất là người có trách nhiệm trong công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; những trường hợp lợi dụng quyền tự do dân chủ, quyền khiếu nại, tố cáo cố tình tố cáo sai sự thật, lôi kéo, kích động nhiều người tham gia hoặc có hành vi quá khích, nhằm gây mất an ninh trật tự.

- Những bài học kinh nghiệm khác.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP

1. Dự báo tình hình khiếu nại, tố cáo thuộc địa bàn, lĩnh vực bộ, ngành, địa phương lãnh đạo, quản lý những năm tới

- Tình hình thế giới, khu vực, tình hình trong nước và yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của bộ, ngành, địa phương trong thời gian tới có tác động đến việc khiếu nại, tố cáo của người dân.

- Dự báo tình hình khiếu nại, tố cáo thuộc địa bàn, lĩnh vực bộ, ngành, địa phương phụ trách những năm tới (*tăng hay giảm*).

2. Phương hướng, giải pháp

- Phương hướng, giải pháp về hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật, nhất là pháp luật về đất đai.

- Phương hướng, giải pháp tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức và người dân về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của

Nhà nước về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và các quy định có liên quan, nhất là pháp luật về đất đai.

- Phương hướng, giải pháp về phát huy, gắn trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, chủ tịch UBND các cấp trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Phương hướng, giải pháp về công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng với nhau; giữa cơ quan chức năng của Trung ương và địa phương trong tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Phương hướng, giải pháp khác.

V. Đề xuất, kiến nghị

1. Đối với Bộ Chính trị liên quan đến nội dung Chỉ thị 35 (nếu có cần nêu rõ nội dung nào cần sửa đổi, nội dung nào cần bổ sung; hướng sửa đổi, bổ sung; với nội dung cần sửa đổi, bổ sung đó có cần thiết ban hành văn bản mới thay thế Chỉ thị 35-CT/TW không, hình thức văn bản là gì).

2. Đối với việc hoàn thiện chính sách, pháp luật, nhất là pháp luật về đất đai (nêu cụ thể những vấn đề cần hoàn thiện và hướng hoàn thiện).

3. Đối với việc phối hợp giữa địa phương và các cơ quan Trung ương trong việc tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo (phương pháp, cách thức phối hợp).

4. Các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

5. Về việc tăng cường kỷ cương, kỷ luật công vụ trong công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

6. Về điều kiện làm việc, công tác đào tạo, bồi dưỡng, chế độ, chính sách đối với cán bộ làm công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo .

7. Các kiến nghị, đề xuất cụ thể khác.

** Lưu ý: Thời điểm lấy số liệu báo cáo tính từ 31/5/2014 đến 31/5/2019.*

Đảng ủy, Ban cán sự Đảng, huyện ~~Hải~~ thành ủy:.....

PHỤ LỤC 01

Công tác Lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện chỉ thị 35
ĐIỂM BIẾN (hoạch số 73-KH/TU, ngày 11/6/2019 của Tỉnh ủy Điện Biên)



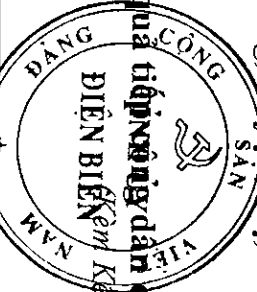
Năm	Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị			Ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo		Ghi chú
	Số lượng các cuộc hội nghị, các lớp tập huấn... được tổ chức	Số lượng cán bộ, đảng viên tham gia	Số lượng tài liệu, ấn phẩm được phát hành	Số lượng văn bản do ban cán sự đảng, đảng đoàn, văn bản do huyện ủy, thị ủy, thành ủy và các văn bản do cấp ủy cấp dưới trực tiếp ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện	Số lượng văn bản do sở, ngành ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền ban hành; văn bản do chính quyền địa phương và các cơ quan chuyên môn trực thuộc ban hành để chỉ đạo, tổ chức thực hiện	
2014						
2015						
2016						
2017						
2018						
Tổng số						

Đảng ủy, Ban Cán sự Đảng, huyện thị, thành ủy:.....

PHỤ LỤC 02B

Kết quả tiếp nhận đơn của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng (theo Chỉ thị 35-CT/TW)

Kết quả tiếp nhận đơn của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng (theo Chỉ thị 35-CT/TW)



Năm	Kết quả tiếp công dân của người đứng đầu cấp ủy		Kết quả tiếp công dân của người đứng đầu cơ quan, đơn vị		Ghi chú
	Số cuộc tiếp công dân	Số lượt công dân được tiếp	Số vụ việc công dân chưa được giải quyết	Số vụ việc công dân được tiếp	
2014					
2015					
2016					
2017					
2018					
Tổng số					

Ghi chú: Số hiệu báo cáo từ 01/01/2014 đến 31/12/2018

